

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018  
**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

## MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 46
8. Phụ lục	47

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Gemadept hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301116791, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 11 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 23 ngày 03 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Điện thoại : (84-28) 38 236 236
- Fax : (84-28) 38 235 236

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương, Nam Hải ICD và đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không....;
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

### **Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Nhân	Chủ tịch
Ông Chu Đức Khang	Phó Chủ tịch
Ông Phan Thanh Lộc	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Minh	Thành viên
Ông Vũ Ninh	Thành viên
Bà Nguyễn Minh Nguyệt	Thành viên
Bà Bùi Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Bolat Duisenov	Thành viên
Ông David Do	Thành viên
Bà Lê Thúy Hương	Thành viên
Bà Hà Thu Hiền	Thành viên
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên đã miễn nhiệm
Ông Phạm Tiến Tịnh	Thành viên đã miễn nhiệm

#### **Ban kiểm soát**

Họ tên	Chức vụ
Ông Lưu Tường Giai	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Hoàng Bắc	Thành viên
Ông Trần Đức Thuận	Thành viên
Bà Phan Cẩm Ly	Thành viên
Bà Trần Hoàng Ngọc Uyên	Thành viên



# CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban Tổng Giám đốc

Họ tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Minh	Tổng Giám đốc
Ông Chu Đức Khang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quốc Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Tiến	Phó Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đỗ Văn Minh – Tổng Giám đốc Công ty (tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 6 năm 2018).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Đỗ Văn Minh**  
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 4 năm 2019



Số: 1.0902/19/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2019, từ trang 05 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gemadept tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
**A & C**

Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

  
Hoàng Thái Vượng - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2129-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>822.529.612.576</b>	<b>1.275.567.789.700</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>43.070.277.429</b>	<b>336.882.059.451</b>
1. Tiền	111		43.070.277.429	142.382.059.451
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	194.500.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>79.164.578.609</b>	<b>66.540.734.528</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	140.694.265.680	140.694.265.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(61.529.687.071)	(74.153.531.152)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>652.064.198.261</b>	<b>845.245.523.518</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	97.208.146.474	133.085.476.562
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	42.081.563.809	47.086.464.628
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	156.345.000.000	133.545.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	365.866.998.087	684.682.533.411
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(9.437.510.109)	(153.153.951.083)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.152.441.000</b>	<b>32.185.773</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	1.152.441.000	32.185.773
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>47.078.117.277</b>	<b>26.867.286.430</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.554.297.575	694.584.680
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		43.892.547.350	24.367.464.665
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1.631.272.352	1.805.237.085
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.730.187.780.740</b>	<b>5.560.236.939.168</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>18.000.000.000</b>	<b>37.005.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	18.000.000.000	37.005.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>701.626.964.986</b>	<b>376.074.711.779</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	489.660.783.947	299.954.770.899
- Nguyên giá	222		705.338.518.168	473.009.010.811
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(215.677.734.221)	(173.054.239.912)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	203.471.422.418	64.828.449.857
- Nguyên giá	225		259.292.255.153	92.987.286.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(55.820.832.735)	(28.158.836.164)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	8.494.758.621	11.291.491.023
- Nguyên giá	228		19.462.953.294	21.027.746.542
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.968.194.673)	(9.736.255.519)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>61.096.896.014</b>	<b>17.885.070.242</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	61.096.896.014	17.885.070.242
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.884.304.774.934</b>	<b>5.099.008.826.299</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	3.394.681.888.483	3.857.249.567.918
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	1.807.852.948.941	1.529.391.295.376
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	186.457.032.000	186.457.032.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(504.687.094.490)	(474.089.068.995)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>65.159.144.806</b>	<b>30.263.330.848</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	53.171.448.478	18.533.323.607
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	11.987.696.328	11.730.007.241
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>6.552.717.393.316</b>	<b>6.835.804.728.868</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.282.894.763.686</b>	<b>1.283.017.800.871</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>813.353.689.702</b>	<b>1.011.451.956.496</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	46.085.148.472	41.957.482.431
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	-	23.172.673.918
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	10.737.264.845	5.154.073.091
4. Phải trả người lao động	314	V.18	12.974.485.019	16.158.873.636
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	4.375.752.294	8.669.298.382
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	65.620.112.498	481.995.092.708
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	587.806.307.781	357.482.529.032
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	59.938.481.636	60.402.312.740
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.23	25.816.137.157	16.459.620.558
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>469.541.073.984</b>	<b>271.565.844.375</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	469.330.116.703	270.217.938.887
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	210.957.281	1.347.905.488
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>5.269.822.629.630</b>	<b>5.552.786.927.997</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>5.269.822.629.630</b>	<b>5.552.786.927.997</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	2.969.249.570.000	2.882.769.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.969.249.570.000	2.882.769.570.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	1.941.832.197.040	1.941.832.197.040
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.25	69.388.382.902	69.388.382.902
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.25	(432.264.540)	(482.399.072)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	72.682.100.796	72.682.100.796
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.25	69.568.035.889	69.568.035.889
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	147.534.607.543	517.029.040.442
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	517.029.040.442
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		147.534.607.543	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>6.552.717.393.316</b>	<b>6.835.804.728.868</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2019


Phạm Quang Huy  
Người lập

Nguyễn Minh Nguyệt  
Kế toán trưởngĐỗ Văn Minh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

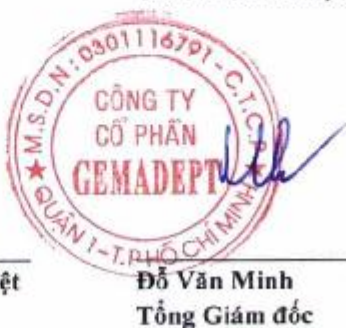
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	224.113.187.554	608.055.489.379
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		224.113.187.554	608.055.489.379
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	151.405.527.550	563.720.366.282
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.707.660.004	44.335.123.097
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.338.508.896.047	892.170.631.092
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	83.773.272.713	173.505.858.768
Trong đó: chi phí lãi vay	23		43.981.940.846	73.497.581.496
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.696.292.435	7.521.867.791
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	125.052.923.469	256.344.656.097
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.200.694.067.434	499.133.371.533
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4.932.253.360	38.085.649.660
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.991.550.415	85.201.264.223
13. Lợi nhuận khác	40		1.940.702.945	(47.115.614.563)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.202.634.770.379	452.017.756.970
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	213.705.438.542	11.086.665.202
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(1.394.637.294)	(8.466.659.993)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1.990.323.969.131</u>	<u>449.397.751.761</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2019

  
 Phạm Quang Huy  
 Người lập

  
 Nguyễn Minh Nguyệt  
 Kế toán trưởng

  
 ĐỖ VĂN MINH  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.202.634.770.379	452.017.756.970
2. Điều chỉnh cho các khoản:		V.10,		
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.11, V.12	74.702.530.481	62.246.161.668
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.7	33.552.423.209	241.195.209.867
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	6.565.390.390	(7.373.916.814)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7	(2.317.657.103.533)	(882.629.457.227)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	43.981.940.846	73.497.581.496
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.779.951.772	(61.046.664.040)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		87.662.745.949	210.971.578.143
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.120.255.227)	13.777.961.104
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(30.257.699.624)	(92.919.246.740)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.732.352.884)	1.848.029.811
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	2.064.388.947
- Tiền lãi vay đã trả	14		(49.024.350.205)	(37.187.567.331)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.17	(207.846.793.952)	(1.826.103.720)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.274.229.431)	(20.476.366.359)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(176.812.983.602)</b>	<b>15.206.009.815</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.13, VII.	(262.185.922.998)	(215.866.233.241)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.10, VII.	26.712.189.573	172.688.300.963
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(387.892.840.992)	(326.350.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	365.092.840.992	261.535.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(142.402.878.055)	(325.518.347.740)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.074.274.670.940	154.654.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		655.565.965.755	530.496.630.004
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>2.329.164.025.215</b>	<b>251.639.849.986</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 06 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.25	86.480.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		714.569.901.072	536.727.210.353
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(463.012.898.928)	(521.093.998.671)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(31.919.524.446)	(19.821.961.924)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20, V.25	(2.751.660.001.725)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(2.445.542.524.027)</b>	<b>(4.188.750.242)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(293.191.482.414)</b>	<b>262.657.109.559</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>336.882.059.451</b>	<b>74.289.026.051</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(620.299.608)	(64.076.159)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>43.070.277.429</b>	<b>336.882.059.451</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2019



Phạm Quang Huy  
Người lập



Nguyễn Minh Nguyệt  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gemadept (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Công ty kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.

- Khai thác cảng: Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ, cảng Nam Đình Vũ, cảng Dung Quất, cảng Bình Dương, Nam Hải ICD; Đầu tư vào dự án cảng nước sâu Gemalink Cái Mép;
- Logistics: Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Ga hàng hóa hàng không, ...;
- Trồng rừng: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia;
- Bất động sản: Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm: dự án Khu phức hợp Saigon Gem và dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã chi trả cổ tức năm 2016 và cổ tức đặc biệt năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 80%, tương đương 8.000 VND/cổ phiếu và chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 15%, tương đương 1.500 VND/cổ phiếu.

Hoạt động vận tải container chuyên tuyến đã được tách ra thành công ty riêng, do đó doanh thu năm nay chủ yếu chỉ bao gồm doanh thu cho thuê tài sản và dịch vụ đại lý.

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 2.882.769.570.000 VND lên 2.969.249.570.000 VND bằng việc phát hành cổ phiếu theo chương trình phúc lợi bằng cổ phiếu cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 039/NQ-HĐQT-2018 ngày 14 tháng 5 năm 2018.

Trong năm, Công ty tiếp tục góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương, Công ty Cổ phần Niêm Kiều Hãnh Thái Bình Dương, Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương, Công ty TNHH Golden Globe và Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept.

Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc bổ sung và điều chỉnh ngành nghề kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 26/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 5 năm 2018.

Trong năm, Công ty đã thực hiện thủ tục giải tỏa tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty về mức 49%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm cuối năm, Công ty có 19 công ty con và 10 công ty liên doanh, liên kết (tại thời điểm đầu năm Công ty có 28 công ty con và 9 công ty liên doanh, liên kết).

##### 6a. Thoái đầu tư

Ngày 13 tháng 02 năm 2018 Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 50,90% phần vốn góp tại Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết”. Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding đã được đổi tên thành Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314546921 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15 tháng 3 năm 2018.

Ngày 13 tháng 02 năm 2018 Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 49% phần vốn góp tại Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết” theo thỏa thuận của hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding đã được đổi tên thành Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314492497 đăng ký thay đổi lần 3 ngày 15 tháng 3 năm 2018.

Ngày 30 tháng 6 năm 2018 Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept.

Trong năm, Công ty đã chấm dứt hoạt động các công ty con: Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng, Gemadept (S) Pte. Ltd. và Grand Pacific Shipping Pte.Ltd.

##### 6b. Danh sách các công ty con tại thời điểm cuối năm

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	18B đường 500, Phường Phsar Deum Thkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	61 đường 468, Phường Toul Tumpoung 2, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	201 Ngô Quyền, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Lô CA1, Khu công nghiệp Nam Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	60,00%	60,00%	60,00%
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Km số 6 Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	84,66%	84,66%	84,66%
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương	947 Thôn Por Prok Khang Tbong, Phường Kar Karb, Quận Po Sen Chey, TP. Phnom Penh, Campuchia	100%	100%	100%
Công ty TNHH Cảng Phước Long	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Lô CN3, Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	147 Nguyễn Thái Bình, Phường 3, TP. Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, Xã Bình Thuận, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam	80,40%	80,40%	80,40%
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ <sup>(i)</sup>	Khu phố 7, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	46,00%	46,00%	54,00%
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	98 Phạm Hùng, Phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam	53,20%	53,20%	53,20%
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%
Công ty TNHH ISS – Gemadept	45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%	100%

<sup>(i)</sup> Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ do được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông là 54%.

**6c. Danh sách các công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm cuối năm**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Khu vực Cái Mép, Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	41,67%	41,67%	41,67%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	30 Phan Thúc Duyệt, Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	32,25%	32,25%	32,25%
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	49,10%	49,10%	49,10%
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	50,00%

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Golden Globe	Bản Sibunhuong, Quận Chanthabouly, Thủ đô Vientiane, Lào	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	117 Lê Lợi, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%	45,00%
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	267 Quang Trung, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam	26,56%	26,56%	26,56%
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Cầu Tum, Khu phố Hải Tân, Thị trấn Phước Hải, Huyện Đất Đỏ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	973 đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	26,78%	26,78%	26,78%

#### 6d. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Vận tải Thái Bình Dương	Lầu 15, số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Đà Nẵng	39 Quang Trung, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam
Chi nhánh Cần Thơ	80-82-84 Lê Hồng Phong, Phường Bình Thủy, Quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam
Chi nhánh Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam
Chi nhánh Campuchia	18B đường 500, Khu phố 1, Phường Phsar Doeumthkov, Quận Chamkarmon, TP. Phnom Penh, Campuchia

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 169 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 169 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Citibank, N.A., Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### **Chứng khoán kinh doanh**

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đi động.

#### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### ***Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết***

##### ***Công ty con***

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

##### ***Công ty liên doanh***

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

##### ***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

#### ***Ghi nhận ban đầu***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### ***Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho bao gồm nhiên liệu và hàng hóa. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.



## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí bảo hiểm và chi phí lãi thuê tài chính container. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Chi phí bảo hiểm*

Chi phí bảo hiểm phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian của hợp đồng bảo hiểm.

##### *Chi phí lãi thuê tài chính container*

Chi phí lãi thuê tài chính container được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 06 năm.

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

#### 10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của thiết bị và phương tiện vận tải không quá 06 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 – 08 năm.

#### 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

#### 15. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **19. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



# CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### **21. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### **22. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.515.324.364	2.928.760.727
Tiền gửi ngân hàng	40.554.953.065	138.837.242.396
Tiền đang chuyển	-	616.056.328
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	-	194.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>43.070.277.429</u></b>	<b><u>336.882.059.451</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**2a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Cổ phiếu</b>						
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân	94.971.030.000	62.645.063.159	(32.325.966.841)	94.971.030.000	50.379.141.600	(44.591.888.400)
Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức	31.488.264.362	16.519.218.000	(14.969.046.362)	31.488.264.362	15.799.832.700	(15.688.431.662)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	14.234.321.100	-	(14.234.321.100)	14.234.321.100	361.364.000	(13.872.957.100)
Các cổ phiếu khác	650.218	365.900	(352.768)	650.218	512.500	(253.990)
<b>Cộng</b>	<b><u>140.694.265.680</u></b>	<b><u>79.164.647.059</u></b>	<b><u>(61.529.687.071)</u></b>	<b><u>140.694.265.680</u></b>	<b><u>66.540.850.800</u></b>	<b><u>(74.153.531.152)</u></b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(74.153.531.152)	(91.692.607.552)
Hoàn nhập dự phòng	12.623.844.081	17.539.076.400
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>(61.529.687.071)</u></b>	<b><u>(74.153.531.152)</u></b>

**2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b><u>3.394.681.888.483</u></b>	<b><u>(373.669.542.700)</u></b>	<b><u>3.857.249.567.918</u></b>	<b><u>(253.944.866.923)</u></b>
Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương <sup>(i)</sup>	821.547.894.800	(86.537.815.310)	801.823.100.000	(35.521.951.507)
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	586.721.892.380	(158.712.498.700)	586.721.892.380	(136.185.022.864)
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	424.383.000.000	-	424.383.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	360.000.000.000	(31.017.920.515)	360.000.000.000	(4.375.994.860)
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	338.625.450.000	-	338.625.450.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hành Thái Bình Dương <sup>(i)</sup>	258.592.695.550	(81.556.853.689)	183.045.245.550	(39.063.050.101)
Công ty TNHH Cảng Phước Long	200.000.000.000	-	200.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương <sup>(i)</sup>	85.800.000.000	(9.460.093.395)	82.500.000.000	(8.621.082.937)
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	78.000.000.000	(5.384.361.091)	78.000.000.000	(13.971.545.505)
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	67.200.000.000	-	67.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	41.730.000.000	-	41.730.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tài Tổng hợp V.N.M	35.000.000.000	-	35.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tài Trường Thọ	27.600.000.000	-	27.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	2.343.651.753	-	2.343.651.753	-
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Gemadept Logistics Holding <sup>(ii)</sup>	-	-	267.797.641.500	-
Công ty TNHH Gemadept Shipping Holding <sup>(ii)</sup>	-	-	205.086.700.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept <sup>(ii)</sup>	-	-	70.866.282.735	(128.185.291)
Gemadept (S) Pte. Ltd. <sup>(iii)</sup>	-	-	15.207.300.000	(15.207.300.000)
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng <sup>(iii)</sup>	-	-	2.182.000.000	-
Các công ty con khác	2.637.304.000	(1.000.000.000)	2.637.304.000	(870.733.858)
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>1.807.852.948.941</b>	<b>(121.603.440.229)</b>	<b>1.529.391.295.376</b>	<b>(98.608.327.116)</b>
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	834.150.000.000	(80.767.976.488)	834.150.000.000	(71.095.385.067)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	393.773.440.000	-	393.773.440.000	-
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	131.555.876.205	-	-	-
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept <sup>(i)</sup>	108.001.500.000	-	71.352.500.000	-
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	104.620.023.000	(11.712.456.929)	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Golden Globe <sup>(i)</sup>	94.992.157.496	(626.134.604)	89.355.403.136	(1.060.531.832)
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	62.538.064.097	-	62.538.064.097	-
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	49.825.280.000	(9.742.264.065)	49.825.280.000	(7.697.802.074)
Các công ty liên kết khác	28.396.608.143	(18.754.608.143)	28.396.608.143	(18.754.608.143)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>186.457.032.000</b>	<b>(9.414.111.561)</b>	<b>186.457.032.000</b>	<b>(121.535.874.956)</b>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam	165.581.032.000	-	165.581.032.000	(113.572.432.000)
Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam <sup>(iv)</sup>	15.876.000.000	(6.246.822.728)	15.876.000.000	(4.638.054.728)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Trí Tuệ Việt Nam	5.000.000.000	(3.167.288.833)	5.000.000.000	(3.325.388.228)
<b>Cộng</b>	<b>5.388.991.869.424</b>	<b>(504.687.094.490)</b>	<b>5.573.097.895.294</b>	<b>(474.089.068.995)</b>

- (i) Tăng do góp vốn bổ sung.
- (ii) Giảm do chuyển nhượng phần vốn góp.
- (iii) Giảm do giải thể công ty con.
- (iv) Công ty Cổ phần Chứng khoán Công nghiệp Việt Nam đang hoàn tất các thủ tục giải thể.

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(474.089.068.995)	(358.289.881.095)
Trích lập dự phòng bổ sung	(45.805.325.495)	(115.799.187.900)
Xóa dự phòng do giải thể công ty con	15.207.300.000	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(504.687.094.490)</b>	<b>(474.089.068.995)</b>

#### Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số VIII.1b.

#### Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố

Công ty đã dùng 11.100.000 cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn (xem thuyết minh số V.21b).

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>53.752.411.415</b>	<b>73.959.210.315</b>
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	20.662.956.601	19.183.375.817
Công ty TNHH Cảng Phước Long	11.419.893.476	17.144.944.275
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	6.403.258.406	15.863.651.038
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	4.130.800.000	449.145.392
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	3.691.392.506	380.626.242
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	2.336.800.000	3.564.000.000
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	2.156.000.000	89.000.001
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	1.538.407.200	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	1.412.903.226	52.000.000
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	-	16.939.164.416
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	-	172.500.001
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	-	74.303.680
Công ty TNHH Golden Globe	-	46.499.453
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>43.455.735.059</b>	<b>59.126.266.247</b>
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	16.806.567.523	-
Các khách hàng khác	26.649.167.536	59.126.266.247
<b>Cộng</b>	<b><u>97.208.146.474</u></b>	<b><u>133.085.476.562</u></b>

Quyền đòi nợ của toàn bộ khoản phải thu đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.21a).

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Bông Sen Vàng	26.080.800.000	26.080.800.000
Công ty Cổ phần Hàng hải Ngân Hà	10.783.853.004	10.783.853.004
Các nhà cung cấp khác	5.216.910.805	10.221.811.622
<b>Cộng</b>	<b><u>42.081.563.809</u></b>	<b><u>47.086.464.628</u></b>

#### 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho các bên liên quan vay</i>	<b>145.345.000.000</b>	<b>122.545.000.000</b>
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	86.000.000.000	81.000.000.000
Công ty TNHH Cảng Phước Long	30.000.000.000	26.000.000.000
Công ty Cổ phần Nam Hải Đình Vũ	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	8.000.000.000	-
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	4.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	2.110.000.000	1.780.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tin Học Vĩ Tín	235.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	-	13.765.000.000
<i>Cho tổ chức khác vay</i>	<b>11.000.000.000</b>	<b>11.000.000.000</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>156.345.000.000</u></b>	<b><u>133.545.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>290.666.367.914</i></b>	<b><i>619.574.542.241</i></b>
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương – Chi hộ	85.632.602.850	79.470.251.520
Công ty TNHH Cảng Phước Long – Chi hộ, lợi nhuận được chia, lãi cho vay	82.396.026.076	59.785.949.034
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – Cổ tức	38.800.000.000	4.400.000.000
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Lợi nhuận được chia, nhờ thu hộ	31.478.017.357	26.934.547.919
Công ty TNHH Golden Globe – Chi hộ	26.036.881.500	20.620.600.000
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Chi hộ, lợi nhuận được chia	9.132.443.155	14.061.901.345
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương – Lợi nhuận được chia	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải – Chi hộ, lãi cho vay	3.456.724.105	1.652.444.444
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M – Lợi nhuận được chia	1.983.150.686	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực – Cổ tức	1.072.446.000	1.072.446.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương – Chi hộ	773.782.948	344.270.605
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept – Chi hộ	556.981.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín – Chi hộ	424.500.451	2.306.105.171
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Chi hộ, lợi nhuận được chia, lãi cho vay	327.961.655	21.225.867.164
Công ty Cổ phần Mekong Logistics – Lãi cho vay	82.328.766	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ – Chi hộ	4.271.965	-
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ – Cổ tức, chi hộ	1.367.178	209.949.241.945
Gemadept (S) Pte. Ltd. – Chi hộ	-	113.372.510.867
Grand Pacific Shipping Pte Ltd – Đặt cọc thuê tàu	-	29.458.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải – Cổ tức	-	27.990.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ - Hỗ trợ vốn, chi hộ, cổ tức	-	6.000.800.000
Các bên liên quan khác	506.882.222	929.606.227
<b><i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i></b>	<b><i>75.200.630.173</i></b>	<b><i>65.107.991.170</i></b>
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	-
Tạm ứng	31.562.880.969	38.172.040.862
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	2.722.178.104	4.808.856.213
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	6.389.443.118	5.945.954.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	15.526.127.982	16.181.140.095
<b>Cộng</b>	<b><u>365.866.998.087</u></b>	<b><u>684.682.533.411</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Mặt Trời Đông Dương – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Khu dịch vụ hậu cần logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty TNHH Sông Hằng – Góp vốn hợp tác thực hiện dự án Cảng tổng hợp Lê Chân	-	19.000.000.000
Các khoản đặt cọc dài hạn	-	5.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>37.005.000.000</b>

#### 7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
<b>Các bên liên quan</b>		<b>2.266.882.222</b>	<b>(2.266.882.222)</b>		<b>144.767.393.089</b>	<b>(144.767.393.089)</b>
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm – Cho vay và lãi vay Gemadept (S) Pte. Ltd. – Chi hộ (*)		2.266.882.222	(2.266.882.222)		1.936.882.222	(1.936.882.222)
Grand Pacific Shipping Pte Ltd – Đặt cọc thuê tàu (*)		-	-		113.372.510.867	(113.372.510.867)
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		<b>7.170.627.887</b>	<b>(7.170.627.887)</b>		<b>8.487.987.994</b>	<b>(8.386.557.994)</b>
Bà Nguyễn Thị Hồng Linh – Phải thu về kinh doanh chứng khoán	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)	Trên 03 năm	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Penex Container Lines Pte. Ltd – Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	2.792.724.771	(2.792.724.771)	Trên 03 năm	2.763.212.976	(2.763.212.976)
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 03 năm	1.377.903.116	(1.377.903.116)	Từ 01 năm đến trên 03 năm	2.724.775.018	(2.623.345.018)
<b>Cộng</b>		<b>9.437.510.109</b>	<b>(9.437.510.109)</b>		<b>153.255.381.083</b>	<b>(153.153.951.083)</b>

(\*) Khoản phải thu Gemadept (S) Pte. Ltd. và Grand Pacific Shipping Pte Ltd đã được xóa nợ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 029/BBHĐQT-GMD ngày 28 tháng 3 năm 2018.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(153.153.951.083)	(10.218.852.716)
Trích lập dự phòng bổ sung	(370.941.795)	(142.935.098.367)
Xóa nợ (xem thuyết minh số V.26c)	144.087.382.769	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(9.437.510.109)</b>	<b>(153.153.951.083)</b>

#### 8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nhiên liệu trên tàu	1.152.441.000	-	-	-
Hàng hóa	-	-	32.185.773	-
<b>Cộng</b>	<b>1.152.441.000</b>	<b>-</b>	<b>32.185.773</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	1.358.469.357	379.051.790
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	195.828.218	315.532.890
<b>Cộng</b>	<b><u>1.554.297.575</u></b>	<b><u>694.584.680</u></b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi thuê tài chính container	49.467.126.156	17.701.641.274
Các chi phí trả trước dài hạn khác	3.704.322.322	831.682.333
<b>Cộng</b>	<b><u>53.171.448.478</u></b>	<b><u>18.533.323.607</u></b>

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	6.051.904.132	4.474.472.564	456.794.195.174	5.688.438.941	473.009.010.811
Mua sắm mới	-	-	232.236.394.423	3.777.290.000	236.013.684.423
Thanh lý	-	-	(3.193.555.947)	-	(3.193.555.947)
Giảm khác	-	-	(499.076.619)	-	(499.076.619)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	5.625.000	2.830.500	8.455.500
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>6.051.904.132</u></b>	<b><u>4.474.472.564</u></b>	<b><u>685.343.582.031</u></b>	<b><u>9.468.559.441</u></b>	<b><u>705.338.518.168</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	6.051.904.132	4.378.108.931	114.318.212.481	5.483.938.937	130.232.164.481
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	5.709.464.200	4.392.026.030	157.406.813.484	5.545.936.198	173.054.239.912
Khấu hao trong năm	342.439.932	13.766.233	45.133.164.321	319.224.270	45.808.594.756
Thanh lý	-	-	(3.193.555.947)	-	(3.193.555.947)
Ảnh hưởng của tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo	-	-	5.625.000	2.830.500	8.455.500
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>6.051.904.132</u></b>	<b><u>4.405.792.263</u></b>	<b><u>199.352.046.858</u></b>	<b><u>5.867.990.968</u></b>	<b><u>215.677.734.221</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	342.439.932	82.446.534	299.387.381.690	142.502.743	299.954.770.899
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>68.680.301</u></b>	<b><u>485.991.535.173</u></b>	<b><u>3.600.568.473</u></b>	<b><u>489.660.783.947</u></b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 339.240.503.783 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình (xem thuyết minh số V.21b).



**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Thiết bị và phương tiện vận tải</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số đầu năm	92.987.286.021
Thuê tài chính trong năm	166.304.969.132
<b>Số cuối năm</b>	<b>259.292.255.153</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>	
Số đầu năm	28.158.836.164
Khấu hao trong năm	27.661.996.571
<b>Số cuối năm</b>	<b>55.820.832.735</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số đầu năm	64.828.449.857
<b>Số cuối năm</b>	<b>203.471.422.418</b>

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Chương trình phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	1.271.530.010	19.756.216.532	21.027.746.542
Giảm khác	-	(1.564.793.248)	(1.564.793.248)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.271.530.010</b>	<b>18.191.423.284</b>	<b>19.462.953.294</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.445.024.495	8.445.024.495
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	9.736.255.519	9.736.255.519
Khấu hao trong năm	-	1.231.939.154	1.231.939.154
<b>Số cuối năm</b>	-	<b>10.968.194.673</b>	<b>10.968.194.673</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	1.271.530.010	10.019.961.013	11.291.491.023
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.271.530.010</b>	<b>7.223.228.611</b>	<b>8.494.758.621</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Dang chờ thanh lý	-	-	-

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí mua sắm tài sản cố định. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong năm</b>	<b>Giảm khác</b>	<b>Số cuối năm</b>
Chi phí mua cầu, xe nâng, sà lan	15.839.894.800	40.839.227.772	-	56.679.122.572
Phần mềm ORC	1.355.175.442	-	-	1.355.175.442
Phần mềm HR	-	2.585.688.000	-	2.585.688.000
Phần mềm E – Office	-	476.910.000	-	476.910.000
Phần mềm GSS	630.000.000	-	(630.000.000)	-
Các chi phí khác	60.000.000	-	(60.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>17.885.070.242</b>	<b>43.901.825.772</b>	<b>(690.000.000)</b>	<b>61.096.896.014</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.730.007.241	11.760.929.931
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	257.689.087	(30.922.690)
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.987.696.328</b>	<b>11.730.007.241</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

#### 15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>14.414.837.185</b>	<b>17.109.663.290</b>
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	12.981.527.205	13.262.786.457
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	1.423.841.601	3.846.876.833
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	9.468.379	-
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>31.670.311.287</b>	<b>24.847.819.141</b>
Công ty Cổ phần Unico Vina	15.513.474.880	-
Phnom Penh Autonomous Port	-	13.638.422.452
Các nhà cung cấp khác	16.156.836.407	11.209.396.689
<b>Cộng</b>	<b>46.085.148.472</b>	<b>41.957.482.431</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

#### 16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hyosung Việt Nam	-	17.879.882.833
Các khách hàng khác	-	5.292.791.085
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>23.172.673.918</b>

#### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

##### 17a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Việt Nam

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	426.962.813	(426.962.813)	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	19.373.558.302	(19.373.558.302)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	98.867.936	(98.867.936)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.423.731.360	-	213.692.358.467	(207.654.557.090)	10.461.532.737	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.491.568.682	76.031.874.694	(75.857.909.961)	-	1.317.603.949
Thuế nhà thầu	537.911.392	-	5.785.958.740	(6.061.411.576)	262.458.556	-
Các loại thuế khác	-	313.668.403	268.371.483	(268.371.483)	-	313.668.403
<b>Cộng</b>	<b>4.961.642.752</b>	<b>1.805.237.085</b>	<b>315.677.952.435</b>	<b>(309.741.639.161)</b>	<b>10.723.991.293</b>	<b>1.631.272.352</b>

##### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### **Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

#### **17b. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước phát sinh tại Chi nhánh Campuchia**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	192.430.339	13.080.075	(192.236.862)	13.273.552
<b>Cộng</b>	<b>192.430.339</b>	<b>13.080.075</b>	<b>(192.236.862)</b>	<b>13.273.552</b>

#### **18. Phải trả người lao động**

Tiền lương và các khoản khác phải trả công nhân viên.

#### **19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>497.616.332</b>	<b>6.285.908.465</b>
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link – Chi phí lãi vay	497.616.332	6.285.908.465
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>3.878.135.962</b>	<b>2.383.389.917</b>
Chi phí lãi vay	926.043.622	712.249.966
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.952.092.340	1.671.139.951
<b>Cộng</b>	<b>4.375.752.294</b>	<b>8.669.298.382</b>

#### **20. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>12.903.453.387</b>	<b>15.868.236.755</b>
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept – Thu hộ	5.117.063.590	512.320.855
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept – Thu hộ	2.295.405.974	3.755.249.639
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept – Thu hộ và phải trả khác	1.677.414.393	1.677.414.393
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ – Các khoản thu hộ và chi phí lãi vay	1.282.476.036	197.916.667
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng – Các khoản thu hộ và phải trả khác	1.066.094.645	321.868.893
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ – Chi phí lãi vay	566.654.795	-
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương – Nhờ chi hộ	566.531.235	566.655.720
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải – Chi phí lãi vay	259.508.219	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept – Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	72.304.500	72.304.500
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – Nhận hỗ trợ vốn	-	4.595.839.422
Công ty TNHH MTV Logistics Biển Sáng – Nhận hỗ trợ vốn	-	2.142.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín – Thu hộ	-	1.890.000.000
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – Chi phí lãi vay	-	68.888.889
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương – Chi phí lãi vay	-	67.777.777
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>52.716.659.111</b>	<b>466.126.855.953</b>
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	262.047.160	464.090.084
Các khoản nhận đặt cọc ngắn hạn	603.148.840	1.029.036.015
Cổ tức phải trả	137.782.125	432.610.127.850
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	51.713.680.986	32.023.602.004
<b>Cộng</b>	<b>65.620.112.498</b>	<b>481.995.092.708</b>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****21a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</b>	<b>448.775.223.876</b>	<b>302.776.728.013</b>
Vay Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link <sup>(i)</sup>	220.320.963.876	244.776.728.013
Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Định Vũ <sup>(i)</sup>	118.000.000.000	-
Vay Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn <sup>(i)</sup>	53.454.260.000	-
Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải <sup>(i)</sup>	48.500.000.000	-
Vay Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương <sup>(i)</sup>	8.500.000.000	8.000.000.000
Vay Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Định Vũ <sup>(i)</sup>	-	50.000.000.000
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</b>	<b>139.031.083.905</b>	<b>54.705.801.019</b>
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	27.163.172.621	729.387.696
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn	-	19.127.886.823
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	55.962.938.572	13.477.740.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.21b)	55.904.972.712	21.370.786.500
<b>Cộng</b>	<b>587.806.307.781</b>	<b>357.482.529.032</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

<sup>(i)</sup> Khoản vay các bên liên quan theo lãi suất cố định được quy định cụ thể trong từng hợp đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh 1 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng mà Công ty đã ký trước và sau thời điểm ký hợp đồng tín dụng.

**21b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	264.457.549.999	204.349.060.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình <sup>(i)</sup>	184.457.549.999	104.349.060.000
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn <sup>(ii)</sup>	80.000.000.000	100.000.000.000
Nợ thuê tài chính	204.872.566.704	65.868.878.887
Thuê tài chính Trac Container Ltd.	159.396.923.957	-
Thuê tài chính Intermodal Investment Fund IV LLC	45.475.642.747	65.868.878.887
<b>Cộng</b>	<b>469.330.116.703</b>	<b>270.217.938.887</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Tân Bình để đầu tư mua tàu Green Pacific và Pride Pacific với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Sài Gòn để góp vốn vào Công ty TNHH Cảng Phước Long với thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng 11.100.000 cổ phần của Công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn (xem thuyết minh số V.2b).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	320.420.488.571	55.962.938.572	223.851.754.288	40.605.795.711
Nợ thuê tài chính	260.777.539.416	55.904.972.712	181.827.790.554	23.044.776.150
<b>Cộng</b>	<b>581.198.027.987</b>	<b>111.867.911.284</b>	<b>405.679.544.842</b>	<b>63.650.571.861</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	217.826.800.000	13.477.740.000	149.566.040.000	54.783.020.000
Nợ thuê tài chính	87.239.665.387	21.370.786.500	65.868.878.887	-
<b>Cộng</b>	<b>305.066.465.387</b>	<b>34.848.526.500</b>	<b>215.434.918.887</b>	<b>54.783.020.000</b>

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền gốc phải trả	44.717.652.195	146.443.869.938	18.633.797.834	209.795.319.967
Lãi thuê phải trả	11.187.320.517	35.383.920.616	4.410.978.316	50.982.219.449
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>55.904.972.712</b>	<b>181.827.790.554</b>	<b>23.044.776.150</b>	<b>260.777.539.416</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền gốc phải trả	16.730.186.272	51.923.382.967	-	68.653.569.239
Lãi thuê phải trả	4.640.600.228	13.945.495.920	-	18.586.096.148
<b>Nợ thuê tài chính phải trả</b>	<b>21.370.786.500</b>	<b>65.868.878.887</b>	<b>-</b>	<b>87.239.665.387</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**21c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

**22. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	16.459.620.558	19.327.092.509
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	40.630.746.030	31.179.213.550
Giảm trong năm	<u>(31.274.229.431)</u>	<u>(34.046.685.501)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>25.816.137.157</u></b>	<b><u>16.459.620.558</u></b>

**24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả chủ yếu là khoản chênh lệch do đánh giá lại giá trị quyền sử dụng đất khi chuyển nhượng tòa nhà Gemadept và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của khoản mục tiền và các khoản phải thu. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.347.905.488	9.845.668.171
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh và giảm khác	<u>(1.136.948.207)</u>	<u>(8.497.762.683)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>210.957.281</u></b>	<b><u>1.347.905.488</u></b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả là 20%.

**25. Vốn chủ sở hữu****25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

**25b. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	296.924.957	288.276.957
- Cổ phiếu phổ thông	296.924.957	288.276.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	296.924.957	288.276.957
- Cổ phiếu phổ thông	296.924.957	288.276.957
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****26a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	16.217.659.836	9.847.344.000
Trên 01 năm đến 05 năm	<u>24.326.489.754</u>	<u>-</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>40.544.149.590</u></b>	<b><u>9.847.344.000</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động ở trên thể hiện tiền thuê và phí quản lý phải trả cho việc thuê văn phòng Công ty TNHH CJ Việt Nam tại số 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### 26b. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 526.669,73 USD (số đầu năm là 5.619.903,53 USD).

#### 26c. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
Gemadep (S) Pte. Ltd.	113.372.510.867	-	Do tái cấu trúc, giải thể công ty
Grand Pacific Shipping Pte Ltd	29.458.000.000	-	Do tái cấu trúc, giải thể công ty
Công ty Cổ phần Sư Tử Chúa	1.277.515.915	1.277.515.915	Do Công ty này đã giải thể
Các đối tượng khác	2.435.057.867	1.178.185.965	Không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b><u>146.543.084.649</u></b>	<b><u>2.455.701.880</u></b>	

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...	221.335.113.582	605.663.430.258
Doanh thu cho thuê văn phòng	2.778.073.972	2.392.059.121
<b>Cộng</b>	<b><u>224.113.187.554</u></b>	<b><u>608.055.489.379</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan được trình bày ở thuyết minh số VIII.1b.

### 2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản,...

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.678.403.043	362.710.875
Lãi tiền cho vay	11.912.286.295	8.959.442.920
Lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	-	1.642.835.053
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	1.790.862.962.895	13.407.436.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	513.895.036.162	860.397.625.159
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	8.780.075.685	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	7.373.916.814
Doanh thu hoạt động tài chính khác	380.131.967	26.664.271
<b>Cộng</b>	<b><u>2.338.508.896.047</u></b>	<b><u>892.170.631.092</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	43.981.940.846	73.497.581.496
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	119.050.401
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.565.390.390	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	33.181.481.414	98.260.111.500
Chi phí tài chính khác	44.460.063	1.629.115.371
<b>Cộng</b>	<b><u>83.773.272.713</u></b>	<b><u>173.505.858.768</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

Chi phí hoa hồng môi giới và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động bán hàng.

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	55.869.792.832	54.561.924.165
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	601.868.245	1.446.085.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.883.931.540	5.647.392.597
Dự phòng phải thu khó đòi	370.941.795	142.935.098.367
Chi phí thuê văn phòng	19.061.301.086	22.982.346.400
Các chi phí khác	43.265.087.971	28.771.808.785
<b>Cộng</b>	<b><u>125.052.923.469</u></b>	<b><u>256.344.656.097</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý tài sản cố định	986.818.181	15.170.574.769
Hoàn nhập dự phòng phải trả tiền chậm nộp thuế	-	21.054.124.191
Các khoản thu nhập khác	3.945.435.179	1.860.950.700
<b>Cộng</b>	<b><u>4.932.253.360</u></b>	<b><u>38.085.649.660</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ do đánh giá lại tài sản cố định đưa đi góp vốn	-	15.305.621.621
Các khoản chi phí khác	2.991.550.415	69.895.642.602
<b>Cộng</b>	<b><u>2.991.550.415</u></b>	<b><u>85.201.264.223</u></b>

**9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	30.922.690
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	830.311.873
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(257.689.087)	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(1.136.948.207)	(9.327.894.556)
<b>Cộng</b>	<b><u>(1.394.637.294)</u></b>	<b><u>(8.466.659.993)</u></b>





## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.555.288.787	135.885.102.184
Chi phí nhân công	67.865.635.457	76.988.808.560
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.702.530.481	62.246.161.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.387.227.419	363.222.579.533
Chi phí khác	53.644.061.310	189.244.238.225
<b>Cộng</b>	<b><u>278.154.743.454</u></b>	<b><u>827.586.890.170</u></b>

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại thời điểm cuối năm, Công ty có các khoản công nợ liên quan tới mua sắm và thanh lý tài sản cố định như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước tiền mua sắm tài sản cố định	1.962.000.000	1.228.669.000
Nợ phải trả mua sắm tài sản cố định	18.462.918.197	-
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	1.347.491.116	27.072.862.508
Nhận cổ tức bằng cách bù trừ công nợ	64.545.740.000	-

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	9.993.008.000	7.894.365.000
Thu nhập khác	2.062.035.292	3.135.835.292
<b>Cộng</b>	<b><u>12.055.043.292</u></b>	<b><u>11.030.200.292</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

##### Bên liên quan khác

##### Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Hòn Ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty con
Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hãn Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH Cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần ICD Nam Hải	Công ty con
Công ty Cổ phần Gemadept Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH ISS – Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tiếp vận “K” Line – Gemadept	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Golden Globe	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Liên hợp Thực phẩm	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mekong Logistics	Công ty con của Công ty liên kết
Gemadept Shipping Singapore Pte. Ltd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept	Công ty con của Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực	Công ty liên kết của công ty liên kết

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Hoa Sen Thái Bình Dương</b>		
Góp vốn	19.724.794.800	11.341.000.000
<b>Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải</b>		
Doanh thu dịch vụ	-	6.788.842.316
Doanh thu thanh lý tài sản	-	12.102.199.910
Chi phí dịch vụ	-	1.545.057.822
Cổ tức được chia	28.000.000.000	97.299.685.023
Vay	48.500.000.000	-
Lãi vay	1.080.752.055	-
Chi hộ	24.327.040	-
<b>Công ty Cổ phần Cảng Nam Đình Vũ</b>		
Doanh thu cho thuê tài sản	8.966.474.571	-
Vay	123.000.000.000	-
Lãi vay	1.433.810.960	-
<b>Công ty Cổ phần Cảng Nam Hải Đình Vũ</b>		
Doanh thu dịch vụ	4.095.407.984	11.403.309.296
Doanh thu thanh lý tài sản	-	68.362.971.728
Chi phí dịch vụ	-	488.655.111
Cổ tức được chia	165.249.219.600	362.329.231.500
Vay	137.000.000.000	235.000.000.000
Lãi vay	1.901.022.754	4.085.138.891
Cho vay	58.000.000.000	-
Lãi cho vay	205.224.657	-
Chi hộ	86.205.569	-
<b>Công ty Cổ phần Niềm Kiêu Hân Thái Bình Dương</b>		
Góp vốn	75.547.450.000	127.397.745.550
Chi hộ	-	566.531.235
<b>Công ty TNHH Cảng Phước Long</b>		
Doanh thu cho thuê tài sản	25.316.392.959	27.201.465.295
Doanh thu dịch vụ	611.057.564	1.348.346.694
Doanh thu thanh lý tài sản	-	36.616.803.100
Chi phí dịch vụ	93.681.381	6.231.010.958
Lợi nhuận được chia	58.000.000.000	44.000.000.000
Cho vay	120.000.000.000	107.000.000.000
Lãi cho vay	3.341.845.355	1.659.000.003
Chi hộ	259.055.408	272.295.200

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH Công nghiệp Cao su Thái Bình Dương</b>		
Góp vốn	3.300.000.000	800.000.000
Chi hộ	429.512.343	422.142.156
<b>Công ty Cổ phần ICD Nam Hải</b>		
Doanh thu cho thuê tài sản	2.520.000.000	-
Doanh thu thanh lý tài sản	-	1.579.787.092
Cho vay	14.000.000.000	44.000.000.000
Lãi cho vay	6.850.094.368	5.478.222.221
Chi hộ	7.737.804	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Hạ tầng Gemadept</b>		
Chi hộ	556.981.000	-
<b>Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</b>		
Doanh thu dịch vụ	634.909.091	634.909.091
Chi phí dịch vụ	77.073.045	109.409.273
Cổ tức được chia	40.800.000.000	20.400.000.000
Vay	-	16.000.000.000
Lãi vay	-	164.444.445
Cho vay	10.000.000.000	-
Lãi cho vay	14.383.562	-
Nhờ chi hộ	3.388.563.053	-
<b>Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Tổng hợp V.N.M</b>		
Lợi nhuận được chia	24.000.000.000	7.000.000.000
Vay	1.000.000.000	-
Lãi vay	17.534.246	-
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Trường Thọ</b>		
Doanh thu cho thuê tài sản	4.320.000.000	4.320.000.000
Cổ tức được chia	5.520.000.000	6.624.000.000
<b>Công ty TNHH Vận tải Hàng hải Thái Bình Dương</b>		
Lợi nhuận được chia	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay	7.000.000.000	27.500.000.000
Lãi vay	497.671.232	325.666.665
Chi hộ	-	212.595.381
<b>Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ Hàng hải Thái Bình Dương</b>		
Doanh thu dịch vụ	7.916.399.438	2.603.319.125
Doanh thu thanh lý tài sản	305.000.000	49.636.364
Chi phí dịch vụ	472.113.971	282.126.460
Lợi nhuận được chia	10.000.000.000	-
<b>Công ty TNHH ISS – Gemadept</b>		
Doanh thu dịch vụ	7.983.500	-
Lợi nhuận được chia	1.792.503.763	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tín</b>		
Chi phí dịch vụ	945.000.000	1.718.181.818
Cho vay	235.000.000	-
Chi hộ	1.008.395.280	2.396.905.171
<b>Công ty Cổ phần Cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link</b>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	264.000.000	264.000.000
Lãi vay	1.248.590.178	1.240.875.200
<b>Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn</b>		
Chi phí dịch vụ	-	6.360.640
Cổ tức được chia	175.195.580.000	82.987.380.000
Vay	198.000.000.000	-
Lãi vay	4.227.963.676	-
<b>Công ty TNHH CJ Gemadept Logistics Holdings</b>		
Doanh thu dịch vụ	-	67.548.800
Góp vốn	-	267.797.641.500
Cho vay	4.000.000.000	-
Lãi cho vay	71.912.329	-
<b>Công ty TNHH Tiếp vận "K" Line – Gemadept</b>		
Doanh thu dịch vụ	344.904.392	324.258.955
Góp vốn	36.649.000.000	24.596.000.000
Vay	30.000.000.000	-
Lãi vay	345.205.479	-
Cho vay	-	3.000.000.000
Lãi cho vay	-	24.666.667
<b>Công ty TNHH CJ Gemadept Shipping Holdings</b>		
Doanh thu dịch vụ	-	81.058.560
Góp vốn	-	205.086.700.000
Bán công ty con	-	16.850.000.000
<b>Công ty TNHH Golden Globe</b>		
Góp vốn	6.969.000.000	-
Chi hộ	-	20.647.334.268
<b>Công ty Cổ phần Thương cảng Vũng Tàu</b>		
Cổ tức được chia	1.157.040.000	-
<b>Công ty Cổ phần Du lịch Minh Đạm</b>		
Cho vay	330.000.000	50.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Gemadept Hải Phòng</b>		
Doanh thu dịch vụ	-	64.550.059.753
Doanh thu cho thuê tài sản	6.466.181.818	13.629.451.613
Doanh thu thanh lý tài sản	-	60.000.000
Chi phí dịch vụ	-	66.238.108.084
Lợi nhuận được chia	-	23.061.901.345
Chi hộ	70.541.810	100.478.297

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH MTV Tiếp vận Gemadept</b>		
Doanh thu cho thuê tài sản	3.451.090.909	3.580.357.910
Doanh thu dịch vụ	7.778.378.064	9.596.937.458
Doanh thu thanh lý tài sản	-	60.500.000
Chi phí dịch vụ	287.590.909	260.160.651
Lợi nhuận được chia	-	159.780.075.292
Vay	2.077.159.008	44.000.000.000
Lãi vay	6.191.641	335.051.111
Cho vay	173.327.840.992	172.300.000.000
Lãi cho vay	339.784.931	272.442.917
Chi hộ	1.245.867.199	2.862.484.321
Thu hộ	35.934.748.281	40.046.137.808
<b>Công ty Cổ phần Mekong Logistics</b>		
Cho vay	8.000.000.000	-
Lãi cho vay	176.630.135	-
<b>Gemadept (Malaysia) Sdn. Bhd.</b>		
Chi phí dịch vụ đại lý	-	231.398.136
Lợi nhuận được chia	-	7.329.473.030
<b>Công ty TNHH MTV Vận tải biển Gemadept</b>		
Doanh thu dịch vụ	3.570.040.000	33.366.475.121
Doanh thu cho thuê tài sản	67.243.233.408	-
Doanh thu cho thuê văn phòng	1.597.423.800	-
Doanh thu thanh lý tài sản	-	6.663.947.972
Góp vốn	-	63.300.000.000
Chi phí dịch vụ	290.785.457	8.161.571.894
Lợi nhuận được chia	-	25.132.953.120
Thu hộ	47.416.086.960	20.385.859.866
Chi hộ	2.366.540.432	646.338.664
<b>Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Điện lực</b>		
Cổ tức được chia	-	1.072.446.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

#### Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6, V.15, V.19, V.20 và V.21.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

## 2. Thông tin về bộ phận

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động logistic, bao gồm dịch vụ vận tải, cho thuê các phương tiện vận tải, dịch vụ đại lý... (chiếm đến 98,76% doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ).

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	159.108.345.949	386.899.737.743
Nước ngoài	65.004.841.605	221.155.751.636
<b>Cộng</b>	<b>224.113.187.554</b>	<b>608.055.489.379</b>

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trong nước	485.086.833.857	253.953.173.420
Nước ngoài	4.033.634.422	2.855.363.940
<b>Cộng</b>	<b>489.120.468.279</b>	<b>256.808.537.360</b>

Chi tiết về tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong nước	1.481.736.723.244	1.541.034.159.809
Nước ngoài	95.523.620.201	117.491.000.991
<b>Cộng</b>	<b>1.577.260.343.445</b>	<b>1.658.525.160.800</b>


### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính


Công ty TNHH Dịch vụ Tin học Vĩ Tin đã hoàn tất thủ tục giải thể theo Thông báo số 193083/19 ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2019



  
Phạm Quang Huy  
Người lập

  
Nguyễn Minh Nguyệt  
Kế toán trưởng

  
Đỗ Văn Minh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: 6 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**BẢO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	1.794.322.810.000	1.872.171.604.400	69.388.382.902	(328.936.886)	72.682.100.796	69.568.035.889	531.225.937.731	4.409.029.934.832	
Tăng vốn từ việc chuyển đổi khoản vay	1.088.446.760.000	69.660.592.640	-	-	-	-	-	1.158.107.352.640	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	449.397.751.761	449.397.751.761	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(31.179.213.550)	(31.179.213.550)	
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(432.415.435.500)	(432.415.435.500)	
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng USD sang VND	-	-	-	(153.462.186)	-	-	-	(153.462.186)	
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>2.882.769.570.000</b>	<b>1.941.832.197.040</b>	<b>69.388.382.902</b>	<b>(482.399.072)</b>	<b>72.682.100.796</b>	<b>69.568.035.889</b>	<b>517.029.040.442</b>	<b>5.552.786.927.997</b>	
Số dư đầu năm nay	2.882.769.570.000	1.941.832.197.040	69.388.382.902	(482.399.072)	72.682.100.796	69.568.035.889	517.029.040.442	5.552.786.927.997	
Tăng vốn trong năm	86.480.000.000	-	-	-	-	-	-	86.480.000.000	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	1.990.323.969.131	1.990.323.969.131	
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(40.630.746.030)	(40.630.746.030)	
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(2.319.187.656.000)	(2.319.187.656.000)	
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng USD sang VND	-	-	-	50.134.532	-	-	-	50.134.532	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>2.969.249.570.000</b>	<b>1.941.832.197.040</b>	<b>69.388.382.902</b>	<b>(432.264.540)</b>	<b>72.682.100.796</b>	<b>69.568.035.889</b>	<b>147.534.607.543</b>	<b>5.269.822.629.630</b>	



**Phạm Quang Huy**  
 Người lập

**Nguyễn Minh Nguyệt**  
 Kế toán trưởng



**Đỗ Văn Minh**  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2019